

**NGHỊ ĐỊNH**

**Bổ sung Điều 12a Nghị định số 142/2004/NĐ-CP  
ngày 08 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ quy định xử phạt  
vi phạm hành chính về bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện**

**CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh Bưu chính, viễn thông ngày 25 tháng 5 năm 2002;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;  
Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành  
chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông,

**NGHỊ ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bổ sung Điều 12a vào sau Điều 12 Nghị định số 142/2004/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện như sau:

**“Điều 12a. Xử phạt vi phạm về quản lý thuê bao di động trả trước**

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng thông tin trên giấy chứng minh nhân dân, giấy chứng minh quân đội nhân dân, giấy chứng minh công an nhân dân hoặc hộ chiếu của người khác hoặc cung cấp thông tin không chính xác để đăng ký thông tin thuê bao di động trả trước của mình;

b) Không đăng ký thay đổi thông tin khi thay đổi chủ thuê bao di động trả trước.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng thông tin trên giấy chứng minh nhân dân, giấy chứng minh quân đội nhân dân, giấy chứng minh công an nhân dân hoặc hộ chiếu của người này để đăng ký thông tin thuê bao di động trả trước hoặc kích hoạt thuê bao di động trả trước cho người khác;

b) Chấp nhận giấy tờ không phải là giấy chứng minh nhân dân, giấy chứng minh quân đội nhân dân, giấy chứng minh công an nhân dân hoặc hộ chiếu để đăng ký thông tin thuê bao di động trả trước;

c) Bán SIM thuê bao di động trả trước hoặc thiết bị đầu cuối di động trả trước (loại không dùng SIM) đã được đăng ký thông tin thuê bao của người khác.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Tiếp nhận đăng ký thông tin thuê bao di động trả trước khi không được uỷ quyền theo quy định;

b) Chủ điểm giao dịch không thực hiện đúng quy trình tiếp nhận đăng ký thông tin thuê bao di động trả trước;

c) Không báo cáo với doanh nghiệp hoặc cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện các vi phạm trong quá trình đăng ký, lưu giữ và sử dụng thông tin thuê bao di động trả trước;

d) Không kiểm tra, cập nhật hoặc không chuyển chính xác cho doanh nghiệp các thông tin thuê bao di động trả trước đã đăng ký tại điểm giao dịch của mình;

đ) Cung cấp dịch vụ cho thuê bao di động trả trước hoà mạng mới đối với chủ thuê bao cung cấp không đầy đủ thông tin thuê bao di động trả trước theo quy định với số lượng dưới 100 thuê bao.

4. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không xây dựng kế hoạch quản lý thuê bao di động trả trước;

b) Không ban hành quy trình đăng ký thông tin thuê bao di động trả trước;

c) Thực hiện uỷ quyền việc tiếp nhận đăng ký thông tin thuê bao di động trả trước không đúng quy định;

d) Không hướng dẫn các quy định về quản lý thuê bao di động trả trước cho chủ điểm giao dịch hoặc cho chủ thuê bao di động trả trước;

đ) Cung cấp dịch vụ cho thuê bao di động trả trước hoà mạng mới đối với chủ thuê bao cung cấp không đầy đủ thông tin thuê bao di động trả trước theo quy định với số lượng từ 100 thuê bao đến dưới 300 thuê bao.

5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Chấp nhận thông tin thuê bao di động trả trước do chủ điểm giao dịch không được ủy quyền cung cấp;

b) Không kiểm tra, giám sát việc thực hiện đăng ký thông tin thuê bao di động trả trước của chủ điểm giao dịch theo quy định;

c) Cung cấp dịch vụ cho thuê bao di động trả trước hoà mạng mới đối với chủ thuê bao cung cấp không đầy đủ thông tin thuê bao di động trả trước theo quy định với số lượng từ 300 thuê bao đến dưới 500 thuê bao;

d) Không chấm dứt việc cung cấp dịch vụ đối với chủ thuê bao di động trả trước cung cấp thông tin không chính xác trong trường hợp doanh nghiệp tự phát hiện;

đ) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thông tin di động không thực hiện đúng quy định tiếp nhận đăng ký thông tin thuê bao di động trả trước.

6. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không triển khai hoặc triển khai cơ sở dữ liệu thông tin thuê bao di động trả trước không đảm bảo việc thu thập, cập nhật, lưu giữ thông tin theo quy định;

b) Không chấm dứt việc uỷ quyền cho chủ điểm giao dịch sử dụng thông tin trên giấy chứng minh nhân dân, giấy chứng minh quân đội nhân dân, giấy chứng minh công an nhân dân hoặc hộ chiếu của mình hoặc của người khác để khai báo, kích hoạt thuê bao di động trả trước trái quy định;

c) Không chấm dứt việc cung cấp dịch vụ đối với chủ thuê bao di động trả trước theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

d) Không kết nối cơ sở dữ liệu thông tin thuê bao di động trả trước với cơ sở dữ liệu của các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định khi có yêu cầu;

đ) Cung cấp dịch vụ cho thuê bao di động trả trước hoà mạng mới đối với chủ thuê bao cung cấp không đầy đủ thông tin thuê bao di động trả trước theo quy định với số lượng từ 500 thuê bao trở lên.

### 7. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật được sử dụng để vi phạm hành chính (ngoại trừ giấy chứng minh nhân dân, giấy chứng minh quân đội nhân dân, giấy chứng minh công an nhân dân hoặc hộ chiếu) đối với các vi phạm quy định tại khoản 2, điểm b khoản 3 và điểm đ khoản 5 của Điều này.

### 8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thực hiện đúng các quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, điểm a, b khoản 2, điểm đ khoản 3, điểm a, b, d, đ khoản 4, điểm b, c, đ khoản 5 và khoản 6 của Điều này.”

**Điều 2.** Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2009.

**Điều 3.** Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thi hành Nghị định này.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ  
THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng

#### Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTN (5b). *xh 190*